BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3088/QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng hỗ trợ học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho sinh viên đang học tại Học viện bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt năm 2025.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HVHK ngày 08/08/2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ tờ trình ngày 26/12/2025 về việc cấp học bổng hỗ trợ học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho sinh viên đang học tại Học viện bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt năm 2025 đã được Giám đốc phê duyệt;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng hỗ trợ học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho sinh viên đang học tại Học viện bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt năm 2025với tổng số tiền là **1.303.223.000** *(một tỉ ba trăm linh ba triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng).*

(Danh sách cụ thể kèm theo quyết định này).

Điều 2. Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện công tác cập nhật số tiền học bổng lên hệ thống phần mềm cho sinh viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Điều 3;
- Lưu: VT, TS-CTSV.

GIÁM ĐỐC

BỘ XÂY DỰNG HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỖ TRỢ HỌC TẬP HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 3088/QĐ-HVHK ngày ...30./12/2025 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
1	Nguyễn Quách Khánh	Băng	2431330035	24ĐHKQ01	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
2	Văn Xuân Mỹ	Hằng	2431720142	24ĐHNATM3	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
3	Nguyễn Thị Thu	Hoa	2331740144	23ĐHKVHK	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
4	Lê Hoàng	Liêm	2431540325	24ĐHTT06	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
5	Dương Trần Bảo	Linh	2431540211	24ĐHTT04	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
6	Bùi Thị Kim	Ngân	2431730054	24ĐHDLLD01	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
7	Nguyễn Thị Yến	Nhi	2531310731	25ĐHQT09	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
8	Phạm Xuân	Sang	2531540299	25ĐHAI02	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
9	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	2431730229	24ĐHDLC4	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
10	Nguyễn Văn	Thiện	2331530029	23ĐHTĐ01	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
11	Từ Nguyễn Anh	Thư	2331310016	23ĐHQTC01	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
12	Trần Lê Quốc	Tuấn	2431740110	24ĐHKVC1	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
13	Lê Nguyễn Khánh	Uyên	2534310017	25ĐAQH01	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
14	LẠI LÊ HOÀNG	Yến	2331530065	23ĐHTĐ02	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
15	Nguyễn Thùy	An	2431320170	24ĐHNL03	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
16	Trần Thị Hồng	An	2531730447	25ĐHKN02	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
17	Nguyễn Thảo Quỳnh	Anh	2531720117	25ĐHNA02	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
18	Nguyễn Hoàng Thiên	Ca	2431720362	24ĐHNAHK3	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
19	Lê Thành	Chất	2331520027	23ĐHKT03	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
20	LÊ THỊ KIM	CHI	2431310120	24ĐHQTC1	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
21	Đặng Thành	Công	2433710174	24ĐHKL01	KHAI THÁC HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
22	Trần Đức	Đại	2531330093	25ĐHKQ02	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
23	Nguyễn Minh	Đạt	2331530069	23ĐHTĐ02	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
24	Ngô Nguyễn Thanh	Diễm	2331740077	23ĐHKVLĐ01	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
25	Nguyễn Thanh	Dương	2331710023	23ĐHKL01	KHAI THÁC HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
26	Hoàng Ngọc	Duy	2431540276	24ĐHTT05	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
27	Lê Hương	Giang	2531730277	25ĐHTM03	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
28	Lê Liễu	Hạ	2331740125	23ĐHKVLĐ02	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
29	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	2531730190	25ĐHKN01	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
30	Hà Thị Hồng	Hạnh	2531530152	25ĐHUR02	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
31	Nguyễn Thị Kim	Hoa	2331720054	23ĐHNATM01	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
32	Lê Nhớ	Hoài	2331720383	23ĐHNATM4	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
33	Lưu Thị Như	Hồng	2531720378	25ĐHNA07	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
34	Nguyễn Lê Quỳnh	Hương	2531310333	25ĐHKS01	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
35	Nguyễn Hoàng Đức	Huy	2531720009	25ĐHNA01	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
36	MAI NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	2431310515	24QTCT04	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
37	Hồ Minh	Kỳ	2531730123	25ĐHTM01	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
38	Nguyễn Trần Thuỳ	Linh	2331310010	23ĐHQTVT01	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
39	BÙI THỊ MAI	LỢI	2331730024	23ĐHDL01	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
40	Nguyễn Thị Trúc	Ly	2431720345	24ĐHNATM2	NGOẠI NGỮ	nặng	70%	14,100,000	9,870,000
41	Nguyễn Hải	Nam	2331710157	23ĐHKL03	KHAI THÁC HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
42	Võ Thành	Nam	2531740242	25ĐHKV03	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
43	Hồ Trần Khánh	Ngân	2531310621	25ĐHQT10	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
44	Đoàn Thị Kim	Ngân	2331540225	23ĐHTT05	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
45	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	2531710020	25ĐHKL01	KHAI THÁC HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
46	Đặng Thị Thảo	Nguyên	2431720454	24ĐHNATM05	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
47	Đặng Hà Xuân	Nguyên	2431740044	24ĐAKV01	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	18,330,000	12,831,000
48	Bùi Thị Như	Nguyệt	2431310085	24ĐHQTKQ1	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
49	TRẦN ANH	NHI	2331310194	23ĐHQTVT2	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
50	Trương Thị Yến	Nhi	2331320089	23ĐHNL02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
51	Huỳnh Tuyết	Nhi	2531310655	25ĐHQT11	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
52	Nguyễn Cao Yến	Nhi	2331740222	23ĐHKVLĐ02	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
53	Dương Huỳnh Yến	Nhi	2531740336	25ĐHKV04	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
54	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	2331720419	23ĐHNATM04	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
55	Phan Thị Cẩm	Nhung	2431740274	24ĐHKVLĐ	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
56	Đặng Thị Kim	Oanh	2258420026	22ĐHKL01	KHAI THÁC HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
57	Võ Lê Hoàng	Phúc	2331540339	23ĐHTT06	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
58	Phạm Thiên	Phúc	2431330025	24ĐHKQ01	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
59	Ngô Hà	Phương	2531310072	25ĐHQT02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
60	Lê Phạm Hồng	Quân	2331520002	23ĐHKT01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
61	Lê Nhật Trúc	Quỳnh	2534740007	25ĐALO01	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	17,360,000	12,152,000
62	Nguyễn Đức Tâm	Tâm	2331540243	23ĐHTT05	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
63	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	2331720121	23ĐHNATM02	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
64	Lê Thị Thanh	Thư	2331540079	23ĐHTT02	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
65	Nguyễn Anh	Thư	2431740271	24ĐHKVLĐ	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
66	Nguyễn Thị Như	Thuỷ	2250000179	22ĐHKVLQ2	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
67	Huỳnh Thị Xuân	Thuyền	2531310214	25ĐHQT04	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
68	Võ Thuỷ Triều	Tiên	2431740327	24ĐHKVC2	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
69	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	2331720260	23ĐHNATM3	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
70	Võ Nguyễn Thanh	Trúc	2431540238	24ĐHTT04	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
71	Nguyễn Hoàng Mai	Trúc	2433710096	24ĐHKL02	KHAI THÁC HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
72	Mai Thanh	Trúc	2331740157	23ĐHKVLĐ02	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
73	Trịnh Minh Tuấn	Tuấn	2331540288	23DHTT06	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
74	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	2433520074	24ĐAKT01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	18,500,000	12,950,000
75	Nguyễn Lâm Huyền	Tuyết	2431540137	24ĐHTT03	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
76	Lê Phạm Thanh	Uy	2331520047	23ĐHKT03	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
77	Phùng Ngọc Thu	Uyên	2431320206	24ĐHNL04	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
78	Lê Thị Hải	Uyên	2331540035	23ĐHTT01	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
79	Lê Hoài Bảo	Uyên	2252210080	22ĐHNATM2	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
80	HUỲNH GIA	VÀNG	2433520223	24ĐHKT01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
81	Nguyễn Thị Tú	Viên	2531310569	25ĐHQT09	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
82	Nguyễn Thị Tường	Vy	2431320090	24ĐHNL02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
83	Nguyễn Thị Tú	Viên	2331310546	23ĐHQTVT02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	13,200,000	9,240,000
84	Ngô Phạm Thiên	Nga	2431320065	24ĐHNL02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nặng	70%	14,100,000	9,870,000
85	Nguyễn Huệ Bình	Minh	2531540150	25ĐHAB01	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
86	Trần Phạm Quỳnh	Trâm	2531720131	25ĐHNA03	NGOẠI NGỮ	Nặng	70%	15,500,000	10,850,000
87	Hồ Quốc	Đạt	2433530098	24ĐHTĐ03	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
88	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	2431730077	24ĐHDLC01	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
89	Nguyễn Trang Phương	Linh	2431720342	24ĐHNAHK3	NGOẠI NGỮ	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
90	Nguyễn Thị Phước	Lộc	2431320218	24ĐHNL04	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
91	Nguyễn Phan Diễm	My	2431740243	24ĐHKVLQ3	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
92	Đặng Phương	Nhi	2531310674	25ĐHQT11	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nhẹ	50%	15,500,000	7,750,000
93	Đỗ Lê	Quy	2253410268	22ĐHQTVT2	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nhẹ	50%	13,200,000	6,600,000
94	Võ Đàm Minh	Thư	2331320070	23ĐHNL02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nhẹ	50%	13,200,000	6,600,000
95	Ngô Thị Ni	A	2331310102	23ĐHQTVT1	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nhẹ	50%	13,200,000	6,600,000
96	PHẠM NGỌC	CHIẾN	2433520023	24ĐHKT01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
97	Hồ Cẩm	Đào	2255120070	22ĐHĐT02	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Nhẹ	50%	13,200,000	6,600,000
98	NGUYỄN NHẬT	KHÁNH	2431740254	24ĐHKVLĐ	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
99	Phạm Ngọc	Mai	2531720012	25ĐHNA01	NGOẠI NGỮ	Nhẹ	50%	15,500,000	7,750,000
100	Phùng Thảo	My	2331320051	23ĐHNL01	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Nhẹ	50%	13,200,000	6,600,000
101	Đoàn Thị Hoài	Na	2331540068	23ĐHTT02	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nhẹ	50%	13,200,000	6,600,000
102	Hồ Thị Hoài	Nghi	2531720627	25ĐHNA11	NGOẠI NGỮ	Nhẹ	50%	15,500,000	7,750,000
103	Nguyễn Thị Hoàng	Ngọc	2431740250	24ĐHKVLĐ	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
104	Hồ Lê Cẩm	Quyên	2431730250	24ĐHDLC3	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000
105	Phan Thị Nhật	Trang	2431740220	24ĐHKVLĐ	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Nhẹ	50%	14,100,000	7,050,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
106	VŨ THÚY	Hằng	2431310320	24ĐHQTTH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
107	Nguyễn thị Hồng	Lộc	2431730142	24ĐHDLC2	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
108	Trần Ngọc Kim	Quỳnh	2431310401	24ĐHQTC3	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
109	LƯU YẾN	CHÂU	2250000079	22ĐHKVLQ01	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
110	Nguyễn Thị Huế	Chi	2531740314	25ĐHKV04	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	15,500,000	15,500,000
111	Lê Hùng Thuận	Hải	2531520272	25ĐHUV01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	15,500,000	15,500,000
112	Lại Trung	Hiếu	2433520039	24ĐHKT01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
113	Lương Hồng	Huế	2431740249	24ĐHKVLĐ	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
114	Phạm Tống Nguyên	Khang	2531520002	25ĐHUV01	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	15,500,000	15,500,000
115	Võ Huỳnh	Linh	2334330044	23ĐHQTKQ2	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
116	Trần Thị Khánh	Minh	2431320082	24ĐHNL02	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
117	Nguyễn Trúc Lin	Na	2250000157	22ĐHXD01	XÂY DỰNG	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
118	Phạm Phan Ngọc	Ngà	2331730134	23ĐHDL03	DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HK	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
119	Hoàng Lê Kim	Ngân	2331320028	23ĐHNL04	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
120	Nguyễn Kiều	Nhã	2531510148	25ĐHĐU02	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	Rất nặng	100%	15,500,000	15,500,000
121	Phạm Thị Yến	Nhi	2431310407	24ĐHQTC3	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
122	Nguyễn Bá	Phát	2331520078	23ĐHKT02	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
123	Bùi Nguyễn Minh	Quân	2331540345	23ĐHTT06	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000

STT	HỌ	TÊN	MÃ SỐ SV	LỚP	KHOA	Mức độ thiệt hại	Mức học bổng	Mức học phí HK2	Số tiền học bổng
124	Phạm Thị Ngọc	Quyên	2331740261	23ĐHKVLQ1	KINH TẾ HÀNG KHÔNG	Rất nặng	100%	13,200,000	13,200,000
125	Nguyễn Anh	Tiến	2431540233	24ĐHTT04	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
126	Nguyễn Trương Ngọc Mỹ	Trâm	2531720408	25ĐHNA07	NGOẠI NGỮ	Rất nặng	100%	15,500,000	15,500,000
127	Nguyễn Ánh	Tuyết	2431310322	24ĐHQTTH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Rất nặng	100%	14,100,000	14,100,000
	TỔNG:								**1,303,223,000**

Viết bằng chữ: một tỉ ba trăm linh ba triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng